

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
QUÍ 3 CỦA NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31/12/2011

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN
BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 30 tháng 9 năm 2011	2 - 6
3. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	7 - 12
4. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	13 - 14
5. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011	15 - 40

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		1.154.320.265.347	985.183.082.558
I	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	235.303.469.609	197.304.823.335
1	Tiền mặt tại quỹ	111		4.847.851.171	4.597.473.030
2	Tiền gửi ngân hàng	112		103.812.272.730	30.889.662.305
3	Tiền đang chuyển	113		-	6.787.688.000
4	Các khoản tương đương tiền	114		126.643.345.708	155.030.000.000
II	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	V.2	417.907.728.348	500.909.260.377
1	Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	121		62.673.622.937	52.370.513.037
2	Đầu tư ngắn hạn khác	128		362.904.448.847	449.779.434.732
3	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129		(7.670.343.436)	(1.240.687.392)
III	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		472.039.343.822	278.788.737.243
1	Phải thu khách hàng	131	V.3	275.890.129.062	163.630.850.721
2	Trả trước cho người bán	132	V.4	69.522.055.376	23.719.055.316
3	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	133		167.264.049	1.082.735.331
4	Phải thu nội bộ ngắn hạn	134		-	-
5	Các khoản phải thu khác	138	V.5	154.873.906.715	103.716.326.990
6	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.6	(28.414.011.380)	(13.360.231.115)
IV	Hàng tồn kho	140	V.7	5.482.481.311	2.366.317.754
1	Hàng mua đang đi đường	141		-	-
2	Nguyên liệu, vật liệu	142		4.896.652.839	1.658.511.044
3	Công cụ, dụng cụ	143		226.889.914	88.173.377
4	Chi phí kinh doanh dở dang	144		235.618.827	-
5	Hàng hoá	145		123.319.731	619.633.333
6	Hàng gửi đi bán	146		-	-
7	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V	Tài sản ngắn hạn khác	150		23.587.242.257	5.813.943.849
1	Tạm ứng	151		21.274.557.835	4.309.132.127
2	Chi phí trả trước ngắn hạn	152	V.8	350.284.367	135.494.090
3	Tài sản thiếu chờ xử lý	153		-	-
4	Các khoản cầm cố, ký quỹ ngắn hạn	154		1.608.894.693	204.387.782
5	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	155	V.9	353.505.362	1.164.929.850
6	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
7	Tài sản ngắn hạn khác	158		-	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		489.691.174.875	486.570.638.580
I Các khoản phải thu dài hạn		201		-	-
1 Phải thu dài hạn của khách hàng		202		-	-
2 Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc		203		-	-
3 Phải thu dài hạn nội bộ		204		-	-
4 Phải thu dài hạn khác		205		-	-
5 Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		206		-	-
II Tài sản cố định		210		92.040.063.038	75.548.850.321
1 Tài sản cố định hữu hình		211	V.10	42.350.102.994	29.903.944.976
Nguyên giá		212		78.263.808.935	59.427.483.126
Giá trị hao mòn lũy kế		213		(35.913.705.941)	(29.523.538.150)
2 Tài sản cố định thuê tài chính		214		-	-
Nguyên giá		215		-	-
Giá trị hao mòn lũy kế		216		-	-
3 Tài sản cố định vô hình		217	V.11	45.632.039.359	45.574.633.861
Nguyên giá		218		46.514.064.000	46.147.404.000
Giá trị hao mòn lũy kế		219		(882.024.641)	(572.770.139)
III Các khoản đầu tư tài chính dài hạn		220		366.329.407.421	383.795.528.808
1 Đầu tư vào công ty con		221		-	-
2 Đầu tư chứng khoán dài hạn		222		-	-
3 Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh		223	V.12	112.563.744.921	117.178.199.723
4 Đầu tư dài hạn khác		228	V.13	254.115.662.500	267.396.651.111
5 Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn		229	V.14	(350.000.000)	(779.322.026)
IV Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		230		4.057.920.685	70.271.484
V Tài sản dài hạn khác		240		24.326.940.889	20.231.495.924
1 Ký quỹ bảo hiểm		241		10.200.000.000	6.200.000.000
2 Cầm cố, ký quỹ, ký cược dài hạn khác		242		5.262.647.201	5.408.042.130
3 Chi phí trả trước dài hạn		243	V.15	8.864.293.688	8.623.453.794
4 Tài sản thuê thu nhập hoãn lại		244		-	-
5 Tài sản dài hạn khác		248		-	-
VI Bất động sản đầu tư			V.16	6.994.763.527	6.994.763.527
Nguyên giá				6.994.763.527	6.994.763.527
Giá trị hao mòn lũy kế				-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		250		1.644.011.440.222	1.471.753.721.138

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		995.296.587.543	801.727.867.639
I Nợ ngắn hạn		310		170.102.809.986	245.272.131.094
1 Vay ngắn hạn		311	V.17	17.879.084.629	100.000.000.000
2 Nợ dài hạn đến hạn trả		312	V.18	30.000.000	405.824.000
3 Phải trả người bán		313	V.19	104.033.073.803	66.045.343.542
4 Người mua trả tiền trước		314	V.20	3.284.335.305	1.745.550.263
5 Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước		315	V.21	21.334.494.581	24.801.192.394
6 Phải trả người lao động		316		987.710.234	25.314.422.649
7 Phải trả nội bộ		317		-	-
8 Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác		318	V.22	22.814.444.396	25.541.850.208
9 Quỹ khen thưởng, phúc lợi		319	V.23	(260.332.962)	1.417.948.038
10 Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ		3191		-	-
11 Dự phòng phải trả ngắn hạn		3192		-	-
II Nợ dài hạn		320		9.280.638.745	10.018.857.729
1 Vay dài hạn		321		220.000.000	173.813.334
2 Nợ dài hạn		322		-	-
3 Phát hành trái phiếu		323		-	-
4 Phải trả dài hạn người bán		324		-	-
5 Phải trả dài hạn nội bộ		325		-	-
6 Thuế thu nhập hoãn lại phải trả		326		-	-
7 Phải trả dài hạn khác		327		-	342.163.136
8 Dự phòng trợ cấp mất việc làm		328	V.24	673.317.125	731.333.965
9 Dự phòng phải trả ngắn hạn		329		-	-
10 Doanh thu chưa thực hiện			V.25	8.387.321.620	8.771.547.294
11 Quỹ phát triển khoa học và công nghệ				-	-
III Dự phòng nghiệp vụ		330	V.26	789.493.656.893	544.517.796.902
1 Dự phòng phí		331		416.162.484.903	278.318.419.396
2 Dự phòng toán học		332		-	-
3 Dự phòng bồi thường		333		272.108.991.996	122.705.081.721
4 Dự phòng giao động lớn		334		101.222.179.994	143.494.295.785
5 Dự phòng chia lãi		335		-	-
6 Dự phòng bảo đảm cân đối		336		-	-
IV Nợ khác		340		26.419.481.919	1.919.081.914
1 Chi phí phải trả		341	V.27	1.077.318.783	1.919.081.914
2 Tài sản thừa chờ xử lý		342		-	-
3 Nhận ký quỹ, ký cược dài hạn		343		25.342.163.136	-

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Số cuối kỳ	Số đầu năm	
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400	643.550.395.532	666.737.523.518	
I	Vốn chủ sở hữu	410	V.28	643.550.395.532	666.737.523.518
1	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		450.000.000.000	450.000.000.000
2	Thặng dư vốn cổ phần	4111		114.375.000.000	114.375.000.000
3	Cổ phiếu quỹ	4112		(201.068.212)	(201.068.212)
4	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	412		-	-
5	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	413		-	(57.044.594)
6	Vốn khác của chủ sở hữu	4113		-	-
7	Quỹ đầu tư phát triển	414		16.142.724.236	15.377.483.028
8	Quỹ dự phòng tài chính	415		-	-
9	Quỹ dự trữ bắt buộc	416		15.814.608.483	15.814.608.483
10	Quỹ dự trữ tự nguyện	417		-	-
11	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	4114		-	-
12	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	418		47.419.131.025	71.428.544.813
13	Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	419		-	-
14	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp			-	-
II	Nguồn kinh phí và quỹ khác	420		-	-
1	Nguồn kinh phí	425		-	-
2	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	428		-	-
C - LỢI ÍCH CỘNG ĐỒNG THIỂU SỐ		429	V.29	5.164.457.147	3.288.329.981
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		430		1.644.011.440.222	1.471.753.721.138

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bảng cân đối kế toán hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
1 Tài sản thuê ngoài	01		
2 Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công	02		
3 Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược	03		
4 Nợ khó đòi đã xử lý	04		
5 Hợp đồng bảo hiểm gốc chưa phát sinh trách nhiệm	05	169.748.837.424	196.270.976.370
6 Hợp đồng nhận tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	06		
7 Hợp đồng nhượng tái bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	07		
8 Ngoại tệ các loại:	08		
Dollar Mỹ (USD)		2.754.414,00	623.162,00
Euro (EUR)		1.030.574,00	49.283,00
Bảng Anh (£)		38.183,00	38.651,00
9 Dự toán chi sự nghiệp, dự án	09		
10 Cổ phiếu lưu hành	11		
11 Cổ tức phải trả	12		

Người lập biểu

Cao Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Khánh

Lập, ngày 09 tháng 11 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Đơn vị: VND)

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

PHẦN I - KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này		Đơn vị tính: VND
			Quý 3.2011	Quý 3.2010	
1. Thu phí bảo hiểm gốc	01		268.866.375.672	151.642.075.821	433.023.641.172
2. Thu phí nhận tái bảo hiểm	02		14.505.868.145	14.454.193.620	40.979.647.855
3. Các khoản giảm trừ	03		35.673.715.659	24.900.442.989	100.743.603.177
- Phí nhượng tái bảo hiểm	04		36.798.603.163	22.708.267.163	95.648.624.006
- Giảm phí bảo hiểm	05		(2.386.303.905)	-	-
- Hoàn phí bảo hiểm	06		1.261.416.401	2.192.175.826	5.094.979.171
- Các khoản giảm trừ khác	07		-	-	-
4. Tăng (giảm) dự phòng phí	08		52.932.890.459	29.452.901.049	63.497.007.461
5. Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	09		8.047.039.689	8.915.858.949	25.339.919.095
6. Thu khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	10		2.628.368.793	28.535.160.523	30.943.307.277
- Thu nhận tái bảo hiểm	11		-	-	-
- Thu nhượng tái bảo hiểm	12		281.330.253	29.046.445.892	29.046.445.892
- Thu khác (Giám định, đại lý)	13		2.347.038.540	(511.285.369)	1.896.861.385
7. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm (14=01+02-03-08+09+10)	14	VI.1	205.441.046.181	149.193.944.875	366.045.904.761

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3.2011	Quý 3.2010	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
8. Doanh thu thuần bán hàng và cung cấp dịch vụ khác	14B	VI.2	91.893.370.811	41.111.594.445	200.799.224.463	106.804.639.330
9. Chi bồi thường bảo hiểm gốc	15		92.307.819.706	69.779.536.296	244.389.687.477	151.328.689.661
10. Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	16		11.737.888.649	5.930.441.027	23.284.925.722	13.591.542.776
11. Các khoản giảm trừ (17=18+19+20)	17		93.747.622.135	20.787.682.976	153.546.185.925	39.622.740.227
- Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18		92.798.766.305	20.159.033.158	151.108.604.542	38.649.513.512
- Thu đòi người thứ ba bồi hoàn	19		23.150.000	-	73.150.000	5.000.000
- Thu lãi đã xử lý bồi thường 100%	20		925.705.830	628.649.818	2.364.431.383	968.226.715
12. Bồi thường thuộc trách nhiệm giữ lại (21=15+16-17)	21		10.298.086.220	54.922.294.347	114.128.427.274	125.297.492.210
13. Chi bồi thường từ dự phòng giao động lớn	22		61.900.000.000	-	61.900.000.000	-
14. Tăng (giảm) dự phòng bồi thường	23		130.877.422.938	1.104.253.961	149.403.910.275	24.441.968.332
15. Số trích dự phòng giao động lớn trong năm	24		7.431.335.072	1.795.741.219	19.627.884.209	4.061.083.153
16. Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm	25		34.755.401.669	18.798.914.924	86.542.332.028	49.840.180.843
- Chi khác hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc	26		31.491.581.819	15.940.179.701	75.100.493.428	40.419.917.532
+ Chi hoa hồng	27		24.418.247.761	12.647.526.493	62.386.739.090	31.633.138.890
+ Chi giám định tổn thất	28		1.404.268.924	1.714.768.374	3.597.165.937	3.554.099.651
+ Chi xử lý hàng bồi thường 100%	30		21.153.170	-	21.153.170	11.829.091
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	31		-	1.316.273	40.682.954	1.845.364
+ Chi đề phòng hạn chế rủi ro, tổn thất	32		4.113.480.682	1.287.129.160	5.342.224.835	3.282.523.167
+ Chi khác	33		1.534.431.282	289.439.401	3.712.527.442	1.936.481.369

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3.2011	Quý 3.2010	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
- Chi khác hoạt động kinh doanh nhận tái bảo hiểm	34		3.263.819.850	3.286.460.223	10.783.454.254	9.847.988.311
+ Chi hoa hồng	35		2.996.974.227	3.255.742.225	9.498.543.161	9.550.100.536
+ Chi đánh giá rủi ro của đối tượng bảo hiểm	36		-	-	-	-
+ Chi khác	38		266.845.623	30.717.998	1.284.911.093	297.887.775
- Chi hoạt động nhượng tái bảo hiểm	39		-	(427.725.000)	658.384.346	(427.725.000)
- Chi phí trực tiếp kinh doanh hoạt động khác	40		-	-	-	-
17. Tổng chi trực tiếp hoạt động kinh doanh bảo hiểm (41=21-22+/-23+24+25)	41		121.462.245.899	76.621.204.451	307.802.553.786	203.640.724.538
18. Giá vốn cung cấp hàng hoá, dịch vụ khác	41B	VI.3	87.268.942.877	39.417.412.291	189.473.417.213	101.025.334.630
19. Lợi nhuận gộp hoạt động kinh doanh (42=14+14B-41-41B)	42		88.603.228.216	74.266.922.578	256.334.022.610	168.184.484.923
20. Chi phí bán hàng	43	VI.4	11.238.844.033	6.085.074.886	25.932.923.279	12.995.131.214
21. Chi phí quản lý doanh nghiệp	44	VI.5	82.518.931.275	54.908.092.851	220.671.392.152	136.762.387.845
22. Lợi nhuận thuần hoạt động kinh doanh (45=42-43-44)	45		(5.154.547.092)	13.273.754.841	9.729.707.179	18.426.965.864
23. Doanh thu hoạt động tài chính	46	VI.6	25.964.837.692	25.871.242.954	85.114.698.584	71.333.343.025
24. Chi phí hoạt động tài chính	47	VI.7	5.165.998.552	12.361.538.505	28.634.702.878	27.098.532.359
25. Lợi nhuận hoạt động tài chính (51=46-47)	51		20.798.839.140	13.509.704.449	56.479.995.706	44.234.810.666

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Quý 3.2011	Quý 3.2010	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
					Năm nay	Năm trước
26. Thu nhập hoạt động khác	52		55.000.871	1.048.662.000	163.457.133	1.058.019.068
27. Chi phí hoạt động khác	53		5.144.123	697.049.130	450.051.692	698.487.031
28. Lợi nhuận hoạt động khác (54=52-53)	54		49.856.748	351.612.870	(286.594.559)	359.532.037
29. Lợi nhuận (lỗ) trong Công ty liên kết, liên doanh	54B		(464.391.283)	1.058.681.770	(1.638.865.290)	2.187.414.326
30. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (55=45+51+54+54B)	55		15.229.757.513	28.193.753.930	64.284.243.036	65.208.722.893
31. Các khoản điều chỉnh tăng (+) hoặc giảm (-) lợi nhuận để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN	56		8.346.260	(459.421.000)	(1.158.177.740)	(4.049.536.000)
32. Tổng lợi nhuận trước thuế TNDN (57=55+56)	57		15.238.103.773	27.734.332.930	63.126.065.296	61.159.186.893
33. Lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp	59		15.238.103.773	27.734.332.930	63.126.065.296	61.159.186.893
34. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	60	V.21	3.925.623.774	6.668.912.790	16.099.345.328	14.845.186.772
35. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	60.1		-	-	-	-
36. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (61=55-60-60.1)	61		11.304.133.739	21.524.841.140	48.184.897.708	50.363.536.121
37. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61.1		230.113.186	62.758.568	578.346.930	177.602.520
38. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông Công ty mẹ	61.2		11.074.020.553	21.462.082.572	47.606.550.778	50.185.933.601
39. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.8	246	512	1.058	1.196

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

PHẦN II - TÌNH HÌNH THỰC HIỆN NGHĨA VỤ VỚI NHÀ NƯỚC

CHỈ TIÊU	Mã số	Số còn phải nộp đầu kỳ	Số phát sinh trong kỳ		Lũy kế từ đầu năm		Đơn vị tính: VND
			Số phải nộp	Số đã nộp	Số phải nộp	Số đã nộp	
I. Thuế (10=11+12+13+14+15 +16+17+18+19)	10	23.636.262.544	5.344.962.827	6.132.940.966	61.813.919.455	64.469.192.780	20.980.989.219
1. Thuế GTGT hàng hoá dịch vụ	11	6.203.887.501					
2. Thuế GTGT hàng nhập khẩu	12		232.310.163	3.014.089.449	40.482.286.094	40.631.793.012	6.054.380.583
3. Thuế tiêu thụ đặc biệt	13						-
4. Thuế xuất, nhập khẩu	14		202.638.003	200.690.720	477.801.448	467.870.304	9.931.144
5. Thuế thu nhập doanh nghiệp	15	17.083.314.807	4.108.340.372	1.014.100.718	202.638.003	200.690.720	1.947.283
6. Thuế thu nhập cá nhân	16	72.146.741	1.275.194.749	1.762.224.439	16.282.061.925	19.121.135.744	14.244.240.988
7. Thuế tài nguyên	17				2.843.895.269	2.336.282.550	579.759.460
8. Thuế nhà đất, tiền thuế đất	18						-
9. Các loại thuế khác	19	276.913.495	(473.520.460)	141.835.640	1.525.236.716	1.711.420.450	90.729.761
II. Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác (30=31+32+33)	30	-	-	-	-	-	-
1. Các khoản phụ thu	31						-
2. Các khoản phí, lệ phí	32						-
3. Các khoản khác	33						-
TỔNG CỘNG (40=10+30)	40	23.636.262.544	5.344.962.827	6.132.940.966	61.813.919.455	64.469.192.780	20.980.989.219

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tổng số thuế còn phải nộp năm trước chuyển sang năm nay:
Trong đó: Thuế thu nhập doanh nghiệp:

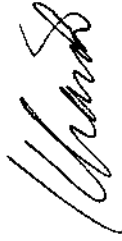
23.636.262.544
17.083.314.807

Người lập biểu



Cao Thu Hiền

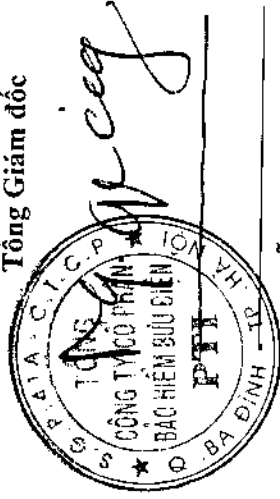
Kế toán trưởng



Đỗ Quang Khánh

Lập, ngày 09 tháng 11 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp trực tiếp)

Quý 3 của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Tiền từ thu phí và hoa hồng	01		694.166.927.056	437.764.964.929
2. Tiền thu từ các khoản nợ thu phí và hoa hồng	02		-	
3. Tiền thu từ các khoản thu được giảm chi	03		78.501.202.927	11.501.566.995
4. Tiền thu từ các hoạt động kinh doanh khác	04		190.411.947.559	121.289.210.974
5. Trả tiền bồi thường bảo hiểm	05		(295.999.638.243)	(154.045.770.502)
6. Trả tiền hoa hồng và các khoản nợ khác của kinh doanh bảo hiểm	06		-	
7. Trả tiền cho người bán, người cung cấp dịch vụ	07		(105.795.639.925)	(49.059.334.842)
8. Trả tiền cho cán bộ công nhân viên	08		(327.662.063.554)	(175.355.541.635)
9. Trả tiền nộp thuế và các khoản nợ nhà nước	09		(98.123.367.612)	(63.688.766.058)
10. Trả tiền cho các khoản nợ khác	10		(64.103.551.931)	(47.627.812.001)
11. Tiền tạm ứng cho cán bộ công nhân viên và ứng trước cho người bán	11		(16.800.584.997)	(11.620.752.944)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		32.466.809.694	58.231.396.467
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền thu từ khoản đầu tư vào đơn vị khác	21		4.950.000.000	4.000.000.000
2. Tiền thu lãi đầu tư	22		52.735.073.521	21.332.747.890
3. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	23		-	1.044.000.000
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào các đơn vị khác	24		(43.497.615.173)	(42.396.500.000)
5. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	25		(17.790.216.962)	(21.902.714.949)
6. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	26		(17.790.216.962)	(21.902.714.949)
7. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	27		(615.447.044.754)	(553.968.063.353)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		155.921.719.642	(119.630.329.697)

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	31		69.116.617.933	11.512.657.692
2. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	32		-	155.925.000.000
3. Tiền thu từ lãi tiền gửi	33		1.126.669.307	
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34		(155.643.168.915)	(19.015.896.620)
5. Tiền chi trả vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	35		-	
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(64.990.001.387)	(32.523.654.288)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(150.389.883.062)	115.898.106.784
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		37.998.646.274	54.499.173.554
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	197.304.823.335	99.497.839.316
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá quy đổi ngoại tệ	61			-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	235.303.469.609	153.997.012.870

Người lập biểu

Cao Thu Hiền

Kế toán trưởng

Đỗ Quang Khánh

Lập, ngày 09 tháng 11 năm 2011

Tổng Giám đốc



Nguyễn Trường Giang

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TỔNG CÔNG TY

1. **Hình thức sở hữu vốn** : Công ty cổ phần
2. **Lĩnh vực kinh doanh** : Bảo hiểm phi nhân thọ
3. **Hoạt động kinh doanh chính trong kỳ** : Kinh doanh bảo hiểm phi nhân thọ, tái bảo hiểm, hoạt động đầu tư tài chính và các hoạt động khác theo quy định của pháp luật.

4. **Tổng số các công ty con:** 02

Trong đó:

Số lượng các công ty con được hợp nhất: 02

5. **Danh sách công ty con được hợp nhất:**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ sở hữu cam kết</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích Công ty mẹ</i>
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Tầng 3, số 157 Trần Phú, Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	51%	75%
Công ty Cổ phần IBS VN (*)	Số 9, ngách 67, ngõ Góc Đề, quận Hoàng Mai, Hà Nội	85,85%	85,85%

(*) Đầu năm, Công ty nắm giữ 300.000 cổ phiếu, tương đương 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần IBS Việt Nam. Trong Quý 3 năm 2011, Công ty mua lại 558.500 cổ phiếu của các cổ đông khác nâng tỷ lệ nắm giữ lên thành 85,85% và chuyển khoản “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” thành “Đầu tư vào công ty con”.

6. **Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phản ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ theo phương pháp vốn chủ sở hữu**

<i>Tên công ty</i>	<i>Địa chỉ trụ sở chính</i>	<i>Tỷ lệ phần sở hữu</i>	<i>Tỷ lệ lợi ích</i>
Công ty Cổ phần Bất động sản Bưu điện	Tầng 5, Lô 18, Khu đô thị Định Công, Hà Nội	49%	95%
Công ty Cổ phần Bảo hiểm Lanexang (trước đây là Công ty Cổ phần Bảo hiểm Chăm pa)	Số 13, đường Suphanuvong, thành phố Viêng Chăn, Lào	40%	40%
Công ty Cổ phần Viễn thông Tin học Điện tử	270A Lý Thường Kiệt, phường 14, quận 10, TP.Hồ Chí Minh	21,3%	21,3%

7. Nhân viên

Tại ngày 30 tháng 9 năm 2011 Tổng Công ty có 830 nhân viên đang làm việc (cuối năm trước là 630 nhân viên).

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính

Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện đã niêm yết toàn bộ số cổ phần đăng ký tại Sở Chứng khoán Hà Nội kể từ ngày 02 tháng 03 năm 2011 với mã chứng khoán là PTL.

Theo Nghị quyết số 27/NQ-PTI-ĐHĐCĐ ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Đại Hội đồng cổ đông chấp thuận đơn từ nhiệm của Chủ tịch Hội đồng quản trị do thay đổi đại diện vốn góp, Ông Đỗ Ngọc Bình thôi giữ chức vụ Chủ tịch Hội đồng quản trị kể từ ngày 14 tháng 01 năm 2011. Phê chuẩn kết quả bầu bổ sung Ông Nguyễn Trường Giang là thành viên Hội đồng quản trị nhiệm kỳ IV (2010-2015).

Theo Nghị quyết số 30/NQ-PTI-HĐQT ngày 14 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng quản trị thông qua kết quả bầu Ông Phạm Anh Tuấn, đại diện vốn góp của Tổng Công ty Bưu chính Việt Nam tại Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện là Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện kể từ ngày 14 tháng 4 năm 2011.

Theo Quyết định số 36/QĐ-PTI-HĐQT ngày 17 tháng 4 năm 2011 của Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện, Ông Nguyễn Trường Giang được bổ nhiệm giữ chức vụ Tổng Giám đốc của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện kể từ ngày 17 tháng 4 năm 2011.

Ngày 27 tháng 04 năm 2011, Bộ Tài chính có Công văn số 5523/BTC-QLBH chấp thuận Ông Phạm Anh Tuấn giữ chức danh Chủ tịch Hội đồng quản trị Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện và chấp thuận Ông Nguyễn Trường Giang giữ chức danh Tổng Giám đốc Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tổng Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Tổng Công ty áp dụng Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo các Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001, Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính, Thông tư số 244/2009/TT-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính về việc ban hành, sửa đổi, bổ sung Chế độ kế toán Doanh nghiệp Việt Nam và các thông tư hướng dẫn thực hiện Chuẩn mực và Chế độ Kế toán của Bộ Tài chính.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ yêu cầu của Chế độ Kế toán áp dụng cho các doanh nghiệp Bảo hiểm ban hành theo Quyết định số 1296TC/QĐ/CĐKT ngày 31 tháng 12 năm 1996, sửa đổi bổ sung theo Quyết định số 150/2001/QĐ-BTC ngày 31 tháng 12 năm 2001 của Bộ Tài chính, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam do Bộ Tài

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

chính ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tổng Công ty sử dụng hình thức kế toán trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Tổng Công ty Cổ phần Bảo hiểm Bưu điện (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong kỳ được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tổng Công ty, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tổng Công ty trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tổng Công ty phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tổng Công ty trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tổng Công ty có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tổng Công ty trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tổng Công ty có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tổng Công ty trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng kỳ kế toán với Tổng Công ty. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tổng Công ty thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Công ty mẹ trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong thời gian không quá 10 năm.

Khi bán công ty con, công ty liên kết và cơ sở kinh doanh đồng kiểm soát, giá trị còn lại của của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp giá đích danh và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	20
Máy móc và thiết bị	5 - 7
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

10. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Tổng Công ty hay thuê tài chính được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh đều được hạch toán vào thu nhập hay chi phí.

11. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tổng Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tổng Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không tính khấu hao, quyền sử dụng đất có thời hạn được khấu hao theo thời hạn sử dụng.

Phần mềm máy tính

Phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Tổng Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy vi tính được khấu hao trong 03 năm.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư tài chính khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường giảm so với giá đang hạch toán trên sổ sách. Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư tài chính vào các tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Tổng Công ty trong các tổ chức kinh tế này.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Chi phí phát triển đại lý

Chi phí phát triển đại lý được phân bổ vào chi phí trong kỳ theo phương pháp đường thẳng trong 3 năm.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tiền thuê văn phòng

Tiền thuê văn phòng được phân bổ theo thời hạn thuê qui định trên hợp đồng thuê.

Công cụ dụng cụ

Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị từ 5 triệu đồng trở lên phân bổ 2 năm; Công cụ dụng cụ đã đưa vào sử dụng có giá trị nhỏ hơn 5 triệu đồng phân bổ 1 năm.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

16. Trích lập quỹ dự phòng trợ mất việc làm

Quỹ dự phòng trợ cấp mất việc làm được dùng để chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008. Mức trích quỹ dự phòng trợ mất việc làm là 3% quỹ lương làm cơ sở đóng bảo hiểm xã hội và được hạch toán vào chi phí theo hướng dẫn tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 8 năm 2003 của Bộ Tài chính. Trường hợp quỹ dự phòng trợ mất việc làm không đủ để chi trợ cấp cho người lao động thôi việc trong kỳ thì phần chênh lệch thiếu được hạch toán vào chi phí.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 người sử dụng lao động phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp người sử dụng lao động không phải trích lập dự phòng trợ cấp mất việc làm cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009. Tuy nhiên trợ cấp thôi việc trả cho người lao động đủ điều kiện cho thời gian làm việc trước ngày 01 tháng 01 năm 2009 là mức lương bình quân trong vòng sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc.

17. Các quỹ dự phòng nghiệp vụ

Tổng Công ty trích lập dự phòng nghiệp vụ bảo hiểm theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC của Bộ Tài chính ngày 20 tháng 12 năm 2007 hướng dẫn thực hiện Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ về Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm và Doanh nghiệp môi giới bảo hiểm.

Các phương pháp Tổng Công ty áp dụng đã được Bộ Tài chính chấp thuận tại Công văn số 13120/BTC-BH ngày 03 tháng 11 năm 2008. Cụ thể như sau:

Dự phòng phí chưa được hưởng

Dự phòng phí chưa được hưởng được trích lập theo tỷ lệ phần trăm của tổng phí bảo hiểm giữ lại, cụ thể:

- Đối với bảo hiểm hàng hoá, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 25% trên tổng phí giữ lại.
- Đối với các nghiệp vụ bảo hiểm khác, dự phòng phí chưa được hưởng được trích bằng 50% trên tổng phí giữ lại.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Dự phòng bồi thường

Dự phòng bồi thường được Tổng Công ty trích lập theo phương pháp từng hồ sơ trên cơ sở ước tính tổn thất phát sinh thuộc trách nhiệm bảo hiểm của Tổng Công ty.

Dự phòng dao động lớn

Dự phòng bồi thường cho các dao động lớn về tổn thất được trích lập hàng năm cho đến khi khoản dự phòng này bằng 100% phí thực giữ lại trong kỳ tài chính. Mức trích lập trong kỳ là 3% phí giữ lại.

Ngày 28 tháng 12 năm 2005, Bộ Tài chính đã ban hành Quyết định số 100/2005/QĐ-BTC về việc ban hành và công bố bốn chuẩn mực kế toán Việt Nam bao gồm Chuẩn mực kế toán số 19 về Hợp đồng bảo hiểm. Theo đó, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2006, việc trích lập dự phòng dao động lớn là không cần thiết do khoản dự phòng này phản ánh "các yêu cầu đòi bồi thường không tồn tại tại thời điểm lập Báo cáo tài chính". Tuy nhiên, Bộ Tài chính chưa có hướng dẫn cụ thể việc áp dụng Chuẩn mực kế toán số 19 và theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 về việc quy định Chế độ tài chính đối với Doanh nghiệp bảo hiểm, Tổng Công ty hiện vẫn trích lập dự phòng dao động lớn.

18. Nguồn vốn kinh doanh - quỹ

Nguồn vốn kinh doanh của Tổng Công ty bao gồm:

- Vốn đầu tư của chủ sở hữu: được ghi nhận theo số thực tế đã góp của các cổ đông.
- Thặng dư vốn cổ phần: chênh lệch do phát hành cổ phiếu cao hơn mệnh giá.

Các quỹ khác được trích lập và sử dụng theo Điều lệ và Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.

19. Cổ phiếu quỹ

Khi cổ phần trong vốn chủ sở hữu được mua lại, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Các khoản lãi hoặc lỗ khi mua, bán cổ phiếu quỹ được ghi vào chi tiêu Thặng dư vốn cổ phần trong vốn chủ sở hữu.

20. Quỹ dự trữ bắt buộc

Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập với mục đích bổ sung vốn điều lệ và đảm bảo khả năng thanh toán của Tổng Công ty. Quỹ dự trữ bắt buộc được trích lập bằng 5% lợi nhuận sau thuế hàng năm và số dư tối đa bằng 10% vốn điều lệ theo quy định tại Nghị định số 46/2007/NĐ-CP do Chính phủ ban hành ngày 27 tháng 3 năm 2007.

21. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

22. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp trong kỳ là thuế thu nhập hiện hành, được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong kỳ với thuế suất áp dụng tại ngày cuối kỳ. Thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập và chi phí không phải chịu thuế hay không được khấu trừ.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

23. Nguyên tắc chuyển đổi ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được quy đổi theo tỷ giá tại ngày cuối kỳ.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong kỳ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối kỳ được ghi nhận vào thu nhập hoặc chi phí trong kỳ.

Tỷ giá sử dụng để quy đổi tại thời điểm ngày: 31/12/2010 : 18.932 VND/USD.

24. Nguyên tắc ghi nhận doanh thu, chi phí và thu nhập

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

Hoạt động kinh doanh bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc

Doanh thu phí bảo hiểm gốc được ghi nhận theo quy định tại Thông tư số 156/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính và Thông tư sửa đổi số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính quy định Chế độ tài chính đối với doanh nghiệp bảo hiểm và doanh nghiệp môi giới bảo hiểm. Cụ thể như sau:

- (1) Khi hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết giữa doanh nghiệp bảo hiểm và bên mua bảo hiểm hoặc có bằng chứng doanh nghiệp bảo hiểm đã chấp nhận bảo hiểm và bên mua bảo hiểm đã đóng đủ phí bảo hiểm.
- (2) Hợp đồng bảo hiểm đã được giao kết và doanh nghiệp bảo hiểm có thoả thuận cho bên mua bảo hiểm nợ phí bảo hiểm trong hợp đồng bảo hiểm.

Trường hợp doanh nghiệp bảo hiểm thoả thuận với bên mua bảo hiểm việc đóng phí bảo hiểm theo kỳ thì doanh nghiệp hạch toán vào thu nhập tương ứng với kỳ hoặc các kỳ phí bảo hiểm đã phát sinh, không hạch toán vào thu nhập phần phí bảo hiểm chưa đến kỳ bên mua bảo hiểm phải nộp phí theo thoả thuận.

Phí bảo hiểm nhận trước khi chưa đến hạn tại ngày cuối của niên độ kế toán được ghi nhận ở chỉ tiêu "Người mua trả tiền trước" trên Bảng cân đối kế toán.

Chi bồi thường

Chi phí bồi thường được ghi nhận khi hồ sơ bồi thường hoàn tất và được người có thẩm quyền phê duyệt. Trường hợp chưa có kết luận số tiền bồi thường cuối cùng nhưng Tổng Công ty chắc chắn tổn thất thuộc trách nhiệm bảo hiểm và thanh toán một phần số tiền bồi thường cho khách hàng thì số tiền đã thanh toán cũng được ghi nhận vào chi phí bồi thường. Những vụ bồi thường chưa được phê duyệt tại thời điểm cuối kỳ được coi là chưa giải quyết và được thống kê để trích lập dự phòng bồi thường.

Hoa hồng

Chi phí hoa hồng được tính theo tỷ lệ phần trăm trên doanh thu phí bảo hiểm gốc và được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ. Hoa hồng của mỗi loại sản phẩm được tính theo tỷ lệ riêng theo Thông tư số 155/2007/TT-BTC ngày 20 tháng 12 năm 2007 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc thi hành Nghị định số 45/2007/NĐ-CP ngày 27 tháng 3 năm 2007 của Chính phủ

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

về Luật kinh doanh bảo hiểm và Thông tư số 86/2009/TT-BTC ngày 28 tháng 4 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Hoạt động nhận tái bảo hiểm

Nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định

Doanh thu và chi phí nhận tái bảo hiểm theo các thoả thuận tái bảo hiểm cố định được ghi nhận khi nhận được các bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm. Tại thời điểm lập các báo cáo tài chính, doanh thu và chi phí liên quan đến những giao dịch nằm trong phạm vi của các thoả thuận tái bảo hiểm cố định nhưng chưa nhận được bảng thanh toán từ các công ty nhượng tái bảo hiểm sẽ được ước tính dựa trên số liệu thống kê và số liệu ước tính của nhà nhượng tái bảo hiểm.

Nhận tái bảo hiểm theo các hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời

Doanh thu phí nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và đã nhận được bảng kê thanh toán (đối với từng thoả thuận tái bảo hiểm tạm thời) từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Chi phí bồi thường nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi phát sinh nghĩa vụ bồi thường theo cam kết và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhận tái bảo hiểm được ghi nhận khi chấp nhận thoả thuận tái bảo hiểm và nhận được bảng kê thanh toán từ công ty nhượng tái bảo hiểm.

Hoạt động nhượng tái bảo hiểm

Phí nhượng tái bảo hiểm theo các thoả thuận bảo hiểm cố định được ghi nhận khi doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi các thoả thuận này đã được ghi nhận.

Phí nhượng tái bảo hiểm tạm thời được ghi nhận khi hợp đồng tái bảo hiểm tạm thời đã được ký kết và doanh thu phí bảo hiểm gốc nằm trong phạm vi hợp đồng này đã được ghi nhận.

Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi có bằng chứng hiện hữu về nghĩa vụ của bên nhận tái bảo hiểm.

Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận khi phí nhượng tái bảo hiểm được ghi nhận.

Hoạt động đầu tư

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tổng Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

25. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

26. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong kỳ được trình bày ở thuyết minh số VII.1.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	4.847.851.171	4.597.473.030
Tiền gửi ngân hàng	103.812.272.730	30.889.662.305
Tiền đang chuyển		6.787.688.000
Các khoản tương đương tiền (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 3 tháng trở xuống</i>)	126.643.345.708	155.030.000.000
Cộng	235.303.469.609	197.304.823.335

2. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Đầu tư chứng khoán ngắn hạn	62.673.622.937	52.370.513.037
Đầu tư ngắn hạn khác (<i>Tiền gửi có kỳ hạn từ 1 năm trở xuống</i>)	362.904.448.847	449.779.434.732
Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	(7.670.343.436)	(1.240.687.392)
Cộng	417.907.728.348	500.909.260.377

Tình hình biến động giảm giá đầu tư tài chính ngắn hạn như sau:

Số đầu năm	1.240.687.392
Trích lập dự phòng bổ sung	6.429.656.044
Hoàn nhập dự phòng	
Số cuối kỳ	7.670.343.436

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu về phí bảo hiểm gốc	109.379.816.281	111.463.175.559
Phải thu về nhận tái bảo hiểm	28.681.993.544	11.192.466.764
Phải thu về nhượng tái bảo hiểm	104.990.498.234	30.369.754.901
Phải thu khác của khách hàng	32.837.821.003	10.605.453.497
Cộng	275.890.129.062	163.630.850.721

4. Trả trước cho người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Trả trước về bồi thường bảo hiểm gốc	65.990.128.260	21.962.226.999
Trả trước khác của hoạt động bảo hiểm gốc	171.257.418	302.421.587
Trả trước cho nhà cung cấp khác	3.360.669.698	1.454.406.730
Cộng	69.522.055.376	23.719.055.316

5. Các khoản phải thu khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Lãi dự thu hoạt động tài chính	67.672.916.254	54.276.098.432
Công ty TNHH Sản xuất và Thương mại Khải Thành	5.614.181.754	5.614.181.754
Đặt cọc hợp đồng uỷ thác mua bán trái phiếu	19.500.000.000	19.500.000.000
Các khoản phải thu khác	62.086.808.707	24.326.046.804
Cộng	154.873.906.715	103.716.326.990

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

Số đầu năm	13.360.231.115
Trích lập dự phòng bổ sung	15.053.780.265
Số cuối kỳ	28.414.011.380

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Nguyên liệu, vật liệu	4.896.652.839	1.658.511.044
Công cụ, dụng cụ	226.889.914	88.173.377
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	235.618.827	
Hàng hoá	123.319.731	619.633.333
Cộng	5.482.481.311	2.366.317.754

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công cụ, dụng cụ	182.102.548	14.392.272
Tiền thuê nhà	168.181.819	
Chi phí khác		121.101.818
Cộng	350.284.367	135.494.090

9. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT nộp thừa		35.102.386
Thuế thu nhập cá nhân nộp thừa	193.004.891	10.677.552
Các loại thuế khác nộp thừa	160.500.471	1.119.149.912
Cộng	353.505.362	1.164.929.850

10. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	10.972.972.277	2.211.495.530	32.004.085.015	14.238.930.304	59.427.483.126
Mua sắm mới		16.990.909	14.035.192.171	2.746.452.153	16.798.635.233
Tăng do hợp nhất Công ty con		2.037.201.061	702.840.381	125.403.658	2.865.445.100
Thanh lý			(827.754.524)		(827.754.524)
Số cuối kỳ	10.972.972.277	4.265.687.500	45.914.363.043	17.110.786.115	78.263.808.935
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	760.580.969	427.894.003	17.475.629.681	10.859.433.497	29.523.538.150
Khấu hao	523.022.553	310.112.343	4.169.502.315	1.386.948.849	6.389.586.060
Tăng do hợp nhất Công ty con		576.833.350	204.995.111	46.507.794	828.336.255
Thanh lý			(827.754.524)		(827.754.524)
Số cuối kỳ	1.283.603.522	1.314.839.696	21.022.372.583	12.292.890.140	35.913.705.941
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	10.212.391.308	1.783.601.527	14.528.455.334	3.379.496.807	29.903.944.976
Số cuối kỳ	9.689.368.755	2.950.847.804	24.891.990.460	4.817.895.975	42.350.102.994

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Cộng
Nguyên giá			
Số đầu năm	44.795.404.000	1.352.000.000	46.147.404.000
Tăng trong kỳ		366.660.000	366.660.000
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ	44.795.404.000	1.718.660.000	46.514.064.000
Giá trị hao mòn			
Số đầu năm		572.770.139	572.770.139
Khấu hao		309.254.502	309.254.502
Giảm trong kỳ			
Số cuối kỳ		882.024.641	882.024.641
Giá trị còn lại			
Số đầu năm	44.795.404.000	779.229.861	45.574.633.861
Số cuối kỳ	44.795.404.000	836.635.359	45.632.039.359

12. Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Tỷ lệ SH	Giá trị	Tỷ lệ SH	Giá trị
Công ty CP BĐS Bưu điện (a)	49%	91.592.035.918	49%	90.898.437.189
Công ty CP BH Lanexang (b)	40%	11.058.440.023	40%	11.397.674.074
Công ty CP Viễn thông Tin học Điện tử (c)	21,3%	9.913.268.980	21,3%	12.062.311.230
Công ty CP IBS Việt Nam (d)			30%	2.819.777.230
Cộng		112.563.744.921		117.178.199.723

Giá trị phần sở hữu của Tổng Công ty tại các công ty liên kết, liên doanh như sau:

	Giá trị phần sở hữu đầu năm	Phần lãi hoặc lỗ trong kỳ	Cổ tức, lợi nhuận đã nhận trong kỳ	Các khoản tăng, giảm khác	Giá trị phần sở hữu cuối kỳ
(a)	90.898.437.189	693.598.729			91.592.035.918
(b)	11.397.674.074	(339.234.051)			11.058.440.023
(c)	12.062.311.230	(844.667.967)	(1.148.562.000)	(155.812.283)	9.913.268.980
(d)	2.819.777.230			2.819.777.230	
Cộng	117.178.199.723	(490.303.289)	(1.148.562.000)	2.663.964.947	112.563.744.921

(d) Đầu năm, Công ty nắm giữ 300.000 cổ phiếu, tương đương 30% vốn điều lệ của Công ty Cổ phần IBS Việt Nam. Trong Quý 3 năm 2011, Công ty mua lại 558.500 cổ phiếu của các cổ đông khác nâng tỷ lệ nắm giữ lên thành 85,85% và chuyển khoản “Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh” thành “Đầu tư vào công ty con”.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**13. Đầu tư dài hạn khác**

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đầu tư cổ phiếu	82.145.000.000	66.815.000.000
Đầu tư trái phiếu	1.000.000.000	31.000.000.000
Tiền gửi có kỳ hạn 01 năm trở lên	2.000.000.000	7.147.695.833
Uỷ thác danh mục đầu tư	5.000.000.000	19.849.777.778
Cho vay uỷ thác	77.983.875.000	76.397.390.000
Đầu tư vào đơn vị khác	85.986.787.500	66.186.787.500
Cộng	254.115.662.500	267.396.651.111

14. Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn

Số đầu năm	779.322.026
Hoàn nhập dự phòng	(429.322.026)
Số cuối kỳ	350.000.000

15. Chi phí trả trước dài hạn

	<u>Số cuối kỳ</u>	<u>Số đầu năm</u>
Công cụ dụng cụ	865.010.023	1.088.034.654
Chi phí thuê nhà	2.627.126.995	2.032.701.871
Chi phí phát triển đại lý	3.579.998.498	4.268.513.535
Chi phí truyền thông và phát triển thương hiệu	115.191.150	460.764.600
Các khoản chi phí khác	1.676.967.022	773.439.134
Cộng	8.864.293.688	8.623.453.794

16. Tăng, giảm bất động sản đầu tư

Là quyền sử dụng lâu dài 909,8 m2 đất tại Hòa Phú, Thủ Dầu Một, tỉnh Bình Dương theo Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số BĐ586180 do UBND tỉnh Bình Dương cấp ngày 11/01/2011.

17. Vay và nợ ngắn hạn

Số đầu năm	100.000.000.000
Số tiền vay phát sinh	69.056.617.933
Tăng do hợp nhất Công ty con	3.855.998.277
Số tiền vay đã trả	(155.033.531.581)
Số cuối kỳ	17.879.084.629

18. Nợ dài hạn đến hạn trả

Số đầu năm	405.824.000
Tăng do hợp nhất Công ty con	60.000.000
Số tiền vay đã trả	(435.824.000)
Số cuối kỳ	30.000.000

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

19. Phải trả người bán

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả về hoạt động bảo hiểm gốc	27.106.679.368	22.431.239.065
Phải trả về hoàn phí bảo hiểm	18.085.389	18.085.389
Phải trả về hoạt động nhận tái bảo hiểm	15.998.312.258	4.100.611.702
Phải trả về hoạt động nhượng tái bảo hiểm	45.217.402.715	25.210.211.894
Phải trả nhà đồng bảo hiểm	576.472.411	5.466.502.032
Phải trả cho nhà cung cấp khác	15.116.121.662	8.818.693.460
Cộng	104.033.073.803	66.045.343.542

20. Người mua trả tiền trước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Người mua trả trước hợp đồng bảo hiểm	2.676.013.212	1.745.550.263
Người mua trả trước khác	608.322.093	
Cộng	3.284.335.305	1.745.550.263

21. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	6.064.311.727	6.089.993.803
Thuế xuất, nhập khẩu	1.947.283	
Thuế thu nhập doanh nghiệp	14.244.240.988	17.259.423.837
Thuế thu nhập cá nhân	772.764.351	55.711.347
Các loại thuế khác	251.230.232	1.396.063.407
Cộng	21.334.494.581	24.801.192.394

Thuế giá trị gia tăng

Tổng Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ với thuế suất 10%.

	Quý 3 năm 2011	Luỹ kế từ đầu năm
Thuế thu nhập doanh nghiệp		
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	15.229.757.513	64.284.243.036
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế TNDN:	472.737.543	113.138.235
Cổ tức lợi nhuận được chia	8.346.260	(1.158.177.740)
Lãi, lỗ Công ty liên kết	464.391.283	1.638.865.290
Lãi chưa thực hiện năm trước đã thực hiện trong kỳ		(367.549.315)
Thu nhập chịu thuế	15.702.495.056	64.397.381.271
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	25%	25%
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	3.925.623.774	16.099.345.328

Các loại thuế khác

Tổng Công ty kê khai và nộp theo qui định.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

22. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Bảo hiểm xã hội, y tế, thất nghiệp	597.365.741	233.940.612
Kinh phí công đoàn	1.302.984.759	1.533.293.382
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	6.096.150.922	3.146.285.952
Các khoản khác	14.817.942.974	20.628.330.262
Cộng	22.814.444.396	25.541.850.208

23. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong kỳ	Số cuối kỳ
Quỹ khen thưởng	704.893.768	550.000.000	1.186.800.000	68.093.768
Quỹ phúc lợi	713.054.270	2.000.000.000	3.041.481.000	(328.426.730)
Cộng	1.417.948.038	2.550.000.000	4.228.281.000	(260.332.962)

24. Dự phòng trợ cấp mất việc làm

Số đầu năm	731.333.965
Số trích lập bổ sung	
Số đã chi	(58.016.840)
Số cuối kỳ	673.317.125

25. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Hợp đồng bảo hiểm chưa phát sinh trách nhiệm	7.188.454.508	8.771.547.294
Hợp đồng inbuilding thiết bị viễn thông	1.198.867.112	
Cộng	8.387.321.620	8.771.547.294

26. Dự phòng nghiệp vụ

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dự phòng phí	416.162.484.903	278.318.419.396
Dự phòng bồi thường	272.108.991.996	122.705.081.721
Dự phòng giao động lớn	101.222.179.994	143.494.295.785
Cộng	789.493.656.893	544.517.796.902

27. Chi phí phải trả

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền thuê nhà		795.144.000
Chi phí đầu tư cửa hàng xăng dầu	952.767.066	952.767.066
Chi phí khác	124.551.717	171.170.848
Cộng	1.077.318.783	1.919.081.914

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ
9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

28. Vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	Quỹ đầu tư phát triển	Quỹ dự trữ bắt buộc	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
<i>Lưu ý kể đến cuối quý 3 năm 2011</i>								
Số dư đầu năm	450.000.000.000	114.375.000.000	(201.068.212)	(57.044.594)	15.377.483.028	15.814.608.483	71.428.544.813	666.737.523.518
Lợi nhuận trong kỳ							47.606.550.778	47.606.550.778
Trích lập các quỹ					765.241.208		(3.918.241.208)	(3.153.000.000)
Chia cổ tức							(67.488.655.500)	(67.488.655.500)
Hoàn nhập chênh lệch tỷ giá năm trước				57.044.594				57.044.594
Tăng, giảm khác							(209.067.858)	(209.067.858)
Số dư cuối kỳ này	450.000.000.000	114.375.000.000	(201.068.212)		16.142.724.236	15.814.608.483	47.419.131.025	643.550.395.532

Chi tiết vốn đầu tư của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vốn đầu tư của cổ đông Nhà nước	162.729.000.000	162.729.000.000
Vốn góp của các cổ đông khác	287.271.000.000	287.271.000.000
Thặng dư vốn cổ phần	114.375.000.000	114.375.000.000
Cổ phiếu quỹ	(201.068.212)	(201.068.212)
Cộng	564.173.931.788	564.173.931.788

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Cổ tức

Cổ tức chưa trả đầu năm	3.146.285.952
Cổ tức năm 2010 đã công bố (15% mệnh giá)	67.488.655.500
Cổ tức đã trả	(64.538.790.530)
Cổ tức còn phải trả	6.096.150.922

Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	45.000.000	45.000.000
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại	7.563	7.563
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	44.992.437	44.992.437

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

29. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

Số đầu năm	3.288.329.981
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	578.346.930
Tăng do hợp nhất kinh doanh	1.450.887.187
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(153.106.951)
Số cuối kỳ	5.164.457.147

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu hoạt động kinh doanh bảo hiểm**

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	837.845.940.355	530.286.515.399
- Doanh thu bảo hiểm gốc	753.279.495.694	433.023.641.172
- Doanh thu nhận tái bảo hiểm	48.161.776.080	40.979.647.855
- Hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	31.910.790.464	25.339.919.095
- Doanh khác	4.493.878.117	30.943.307.277
Các khoản giảm trừ doanh thu:	(147.191.105.702)	(100.743.603.177)
- Phí nhượng tái bảo hiểm	(137.011.389.401)	(95.648.624.006)
- Giảm phí bảo hiểm	(5.644.520.629)	-
- Hoàn phí bảo hiểm	(4.535.195.672)	(5.094.979.171)
Tăng (Giảm) dự phòng phí	(137.844.065.507)	(63.497.007.461)
Doanh thu thuần	552.810.769.146	366.045.904.761

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ khác**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán xăng dầu	196.889.983.728	106.804.639.330
Doanh thu cung cấp thiết bị viễn thông và công trình inbuilding	3.909.240.735	
Cộng	200.799.224.463	106.804.639.330

3. Giá vốn cung cấp hàng hoá dịch vụ khác

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn xăng dầu đã bán	186.658.871.446	101.025.334.630
Giá vốn thiết bị viễn thông và công trình inbuilding đã cung cấp	2.814.545.767	
Cộng	189.473.417.213	101.025.334.630

4. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí phát triển mạng lưới đại lý bảo hiểm	20.841.911.132	10.747.109.070
Chi phí hoạt động kinh doanh xăng dầu	5.084.523.805	2.248.022.144
Chi phí hoạt động kinh doanh thiết bị viễn thông	6.488.342	
Cộng	25.932.923.279	12.995.131.214

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	73.696.030.211	57.108.309.475
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	12.045.712.563	6.261.440.703
Chi phí công cụ, dụng cụ quản lý	4.454.769.611	3.255.249.745
Chi phí khấu hao tài sản cố định	6.086.860.512	4.427.670.586
Thuế, phí và lệ phí	3.988.990.553	2.808.479.233
Chi phí dự phòng	15.053.780.265	2.496.661.318
Chi phí dịch vụ mua ngoài	30.820.008.406	19.669.239.755
Chi phí khác bằng tiền	74.525.240.031	40.735.337.030
Cộng	220.671.392.152	136.762.387.845

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**6. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	57.707.333.035	36.436.708.266
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	1.126.669.307	1.314.511.190
Lãi tiền cho vay uỷ thác	11.291.579.930	8.035.084.754
Lãi đầu tư trái phiếu, kỳ phiếu, tín phiếu	2.429.333.333	2.540.166.667
Lãi kinh doanh chứng khoán	7.756.453.814	15.703.314.503
Cổ tức, lợi nhuận được chia	1.158.177.740	2.176.453.000
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	1.323.873.431	653.104.645
Lãi thanh lý các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn khác	1.485.000.000	3.637.500.000
Các khoản khác	836.277.994	836.500.000
Cộng	85.114.698.584	71.333.343.025

7. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	6.197.826.470	622.746.760
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	605.999.682	965.984.201
Lỗ kinh doanh chứng khoán	13.737.081.511	24.072.641.914
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	1.958.904.998	
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư ngắn hạn, dài hạn	6.000.334.018	1.094.927.510
Các khoản khác	134.556.199	342.231.974
Cộng	28.634.702.878	27.098.532.359

8. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	47.606.550.778	50.185.933.601
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:		
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	47.606.550.778	50.185.933.601
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	44.992.437	41.950.770
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.058	1.196

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Giao dịch với các bên liên quan***Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:*

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Tiền lương Ban điều hành	2.630.405.000	1.691.129.817
Thù lao Hội đồng quản trị và Ban Kiểm soát	339.000.000	141.100.000
Cộng	2.969.405.000	1.832.229.817

Giao dịch với các bên liên quan khác

Bên liên quan	Mối quan hệ
Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh	Cổ đông sáng lập
Tổng Công ty Cổ phần Tái Bảo hiểm Quốc gia Việt Nam	Cổ đông sáng lập
Công ty Cổ phần Thương mại Xăng dầu Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần IBS Việt Nam	Công ty con

Các nghiệp vụ phát sinh trong kỳ giữa Tổng Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam</i>		
Chia lãi cổ tức	24.409.350.000	13.018.320.000
Doanh thu phí bảo hiểm gốc các đơn vị thành viên trong Tập đoàn Bưu chính Viễn thông Việt Nam	91.245.178.652	85.150.253.282
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</i>		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	768.180.007	647.545.956
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	336.210.494	192.103.266
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	152.573.579	84.629.631
Thu khác nhận tái bảo hiểm	108.270.131	
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	939.491.384	1.542.207.552
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	429.622.363	441.741.941
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	2.126.170.307	661.921.102
<i>Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam</i>		
<i>Nhận tái bảo hiểm</i>		
Phí nhận tái bảo hiểm	27.677.587.372	25.537.182.702
Thu khác nhận tái bảo hiểm	112.674.936	
Chi hoa hồng nhận tái bảo hiểm	5.028.521.855	5.763.186.050
Chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	22.592.094.179	11.061.752.471
Chi khác nhận tái bảo hiểm	1.150.580.951	267.169.777

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
<i>Nhượng tái bảo hiểm</i>		
Phí nhượng tái bảo hiểm	31.285.628.224	19.395.294.317
Thu hoa hồng nhượng tái bảo hiểm	2.445.821.276	5.250.267.509
Thu bồi thường nhượng tái bảo hiểm	29.219.728.320	11.870.385.233
Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, công nợ với các bên liên quan khác như sau:		
	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam</i>	33.141.403.257	16.263.363.456
Phải thu về phí nhận tái bảo hiểm	14.638.143.609	4.521.817.615
Phải thu khác về nhận tái bảo hiểm	176.033.602	176.033.602
Phải thu về bồi thường nhượng tái bảo hiểm	18.327.226.046	11.325.265.747
Phải thu khác		240.246.492
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</i>	4.981.818.981	587.710.337
Phải thu về phí nhận tái bảo hiểm	2.180.134.854	232.992.370
Phải thu về bồi thường nhượng tái bảo hiểm	2.049.300.612	317.696.310
Phải thu khác	752.383.515	37.021.657
Cộng nợ phải thu	38.123.222.238	16.851.073.793
<i>Tổng Công ty Cổ phần Tái bảo hiểm quốc gia Việt Nam</i>	26.320.248.878	8.814.189.476
Phải trả về chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	14.007.816.763	182.071.116
Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm	12.281.232.115	8.587.708.624
Phải trả khác	31.200.000	44.409.736
<i>Tổng Công ty Cổ phần Bảo Minh</i>	3.485.353.892	1.730.331.459
Phải trả về chi bồi thường nhận tái bảo hiểm	586.709.830	423.471.945
Phải trả về phí nhượng tái bảo hiểm	2.898.644.062	1.249.640.079
Phải trả khác		57.219.435
Cộng nợ phải trả	29.805.602.770	10.544.520.935

Giá dịch vụ cung cấp cho các bên liên quan là giá thị trường. Việc mua hàng hóa và dịch vụ từ các bên liên quan được thực hiện theo giá thị trường.

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**2. Thông tin về bộ phận**

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh do rủi ro và tỷ suất sinh lời của Tổng Công ty bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về sản phẩm và dịch vụ do Tổng Công ty cung cấp.

Lĩnh vực kinh doanh

Tổng Công ty có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực bảo hiểm: cung cấp các sản phẩm dịch vụ bảo hiểm phi nhân thọ.
- Lĩnh vực khác: kinh doanh sản phẩm thuộc lĩnh vực xăng dầu, kinh doanh thiết bị viễn thông và công trình inbuilding.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	Lĩnh vực bảo hiểm	Lĩnh vực khác	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	690.654.834.653	200.799.224.463	891.454.059.116
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận			
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	690.654.834.653	200.799.224.463	891.454.059.116
Chi phí bộ phận	685.138.716.636	196.585.635.301	881.724.351.937
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	5.516.118.017	4.213.589.162	9.729.707.179
Chi phí không phân bổ theo bộ phận			
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh			9.729.707.179
Doanh thu hoạt động tài chính			85.114.698.584
Chi phí tài chính			28.634.702.878
Thu nhập khác			163.457.133
Chi phí khác			450.051.692
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh			(1.638.865.290)
Chi phí thuế TNDN hiện hành			16.099.345.328
Chi phí thuế TNDN hoãn lại			
Lợi nhuận sau thuế TNDN			48.184.897.708
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	27.295.809.297	128.225.187	27.424.034.484
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	16.560.555.024	717.608.995	17.278.164.019

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tổng Công ty như sau:

	Lĩnh vực bảo hiểm	Lĩnh vực khác	Cộng
Số cuối kỳ			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.600.768.701.320	43.242.738.902	1.644.011.440.222
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
Tổng tài sản	1.600.768.701.320	43.242.738.902	1.644.011.440.222
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	957.732.825.038	37.563.762.505	995.296.587.543
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả	957.732.825.038	37.563.762.505	995.296.587.543
Số đầu năm			
Tài sản trực tiếp của bộ phận	1.451.835.031.372	19.918.689.766	1.471.753.721.138
Tài sản phân bổ cho bộ phận			
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận			
Tổng tài sản	1.451.835.031.372	19.918.689.766	1.471.753.721.138
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	798.076.646.575	6.939.551.045	805.016.197.620
Nợ phải trả phân bổ cho bộ phận			
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận			
Tổng nợ phải trả	798.076.646.575	6.939.551.045	805.016.197.620

Khu vực địa lý

Toàn bộ hoạt động của Tổng Công ty chỉ diễn ra trên lãnh thổ Việt Nam.

TỔNG CÔNG TY CỔ PHẦN BẢO HIỂM BƯU ĐIỆN

Địa chỉ: Tầng 8, Toà nhà Harec, Số 4A Láng Hạ, Ba Đình, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT GIỮA NIÊN ĐỘ

9 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2011

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ (tiếp theo)**3. Một số chỉ tiêu đánh giá khái quát thực trạng tài chính và kết quả hoạt động kinh doanh**

Chỉ tiêu	Đơn vị tính	Kỳ này	Kỳ trước
Cơ cấu tài sản và cơ cấu nguồn vốn			
<i>Cơ cấu tài sản</i>			
Tài sản ngắn hạn/Tổng số tài sản	%	29,79	37,18
Tài sản dài hạn/Tổng số tài sản	%	70,21	62,82
<i>Cơ cấu nguồn vốn</i>			
Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	%	60,54	50,34
Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	%	39,46	49,66
Khả năng thanh toán			
Khả năng thanh toán hiện hành	Lần	1,65	12,48
Khả năng thanh toán nợ ngắn hạn	Lần	6,79	56,93
Khả năng thanh toán nhanh	Lần	1,38	1,08
Khả năng thanh toán nợ dài hạn	Lần	52,76	325,04
Tỷ suất sinh lời			
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên doanh thu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên doanh thu thuần	%	6,58	10,68
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên doanh thu thuần	%	4,93	8,25
<i>Tỷ suất lợi nhuận trên tổng tài sản</i>			
Tỷ suất lợi nhuận trước thuế trên tổng tài sản	%	3,91	5,03
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên tổng tài sản	%	2,93	3,88
<i>Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu</i>			
Tỷ suất lợi nhuận sau thuế trên vốn chủ sở hữu	%	7,49	7,86

Lập, ngày 09 tháng 11 năm 2011

Người lập biểu

Kế toán trưởng

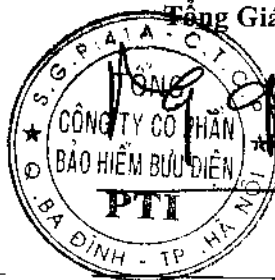
Tổng Giám đốc



Cao Thu Hiền



Đỗ Quang Khánh



Nguyễn Trường Giang